

Mẫu CBTT/SGDHCM-02
Appendix CBTT/SGDHCM-02

(Ban hành kèm theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19 tháng 08 năm 2016 của
TGD SGDCK TPHCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK TPHCM)
(Promulgated with the Decision No 340/QĐ-SGDHCM on August 19, 2016 of the Hochiminh Stock Exchange
on Disclosure of Information Regulation on Hochiminh Stock Exchange)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM

P.602 Tầng 6 tòa nhà Centre Point-106
Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Q.Phú Nhuận,
TP.HCM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số: 01/9/2018-CBTT

Tp.HCM, ngày 10 tháng 9 năm 2018

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ
NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM**

**DISCLOSURE OF INFORMATION ON
THE STATE SECURITIES
COMMISSION'S PORTAL AND
HOCHIMINH STOCK EXCHANGE'S
PORTAL**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock Exchange*

- Tên tổ chức / *Organization name*: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM
 - Mã chứng khoán/ *Securities Symbol*: DTA
 - Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*: 2/6 – 2/8 Núi Thành Phường 13 Quận Tân Bình Tp, HCM
 - Địa chỉ kinh doanh: P.602 Tầng 6 tòa nhà Centre Point-106 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Q.Phú Nhuận, TP.HCM
 - Điện thoại/ *Telephone*: 028.3997.4668
 - Fax: 028.3997.4679
 - Người thực hiện công bố thông tin/ *Submitted by*: TRẦN THỊ QUỲNH TRANG
Chức vụ/ *Position*: Trưởng phòng Pháp Chế Công ty.
- Loại thông tin công bố : định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu
Information disclosure type: *Periodic* *Irregular* *24 hours* *On demand*

Nội dung thông tin công bố (*)/ Content of Information disclosure (*):

- Nghị quyết số 01/9/2018/NQ-HĐQT ngày 10/9/2018 về việc thực hiện một số công tác theo yêu cầu của đoàn kiểm tra UBCKNN.
- Quy chế công bố thông tin của CTCP Đệ Tam ngày 10/9/2018.

Đối với trường hợp thay đổi, thay thế thông tin đã công bố, cần nêu rõ nguyên nhân thay đổi hoặc thay thế.

In case the company accurates or replaces information(s) that were disclosed. Company shall make a reason for the replacement or correction.

.....
Lý do/ Reason:

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty/quỹ vào ngày 10/9/2018 tại đường dẫn : <http://www.detamland.com>

This information was disclosed on Company/Fund's Potral on date 10/9/2018 Available at: <http://www.detamland.com>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally responsible for any misrepresentation.

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT
Legal representative/Party authorized to disclose information
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)
(Signature, full name, position, and seal)



TRẦN THỊ QUỲNH TRANG



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM (DTA)
P.602 Tầng 6 tòa nhà Centre Point, 106 Nguyễn
Văn Trỗi, Phường 8, Q.Phú Nhuận, TP.HCM.
Số: 01/9/2018/NQ-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp.HCM, ngày 10 tháng 9 năm 2018

NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM

(V/v: Thực hiện một số công tác theo yêu cầu của đoàn kiểm tra UBCKNN)

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị CTCP Đệ Tam số 01/9/2018/BBH-HĐQT ngày 10/9/2018;

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua việc hoàn thiện một số công tác theo yêu cầu của đoàn kiểm tra UBCKNN

1. Thông qua Quy chế về Công bố thông tin của CTCP Đệ Tam được soạn thảo theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP.
2. Thông qua việc bổ nhiệm bà Trần Thị Quỳnh Trang là thư ký Hội đồng quản trị, kiêm người phụ trách quản trị Công ty CP Đệ Tam.
3. Chấp thuận đơn xin thôi việc và thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám Đốc CTCP Đệ Tam đối với ông Nguyễn Quang Chính.

Điều 2: Thông qua việc chỉ định người thực hiện.

Giao cho bà Phạm Thị Kim Xuân – người đại diện theo pháp luật của Công ty thực hiện tất cả các công việc liên quan để hiện thực hóa các nội dung đã được Hội đồng quản trị thông qua nêu trên.

Điều 3: Điều khoản thi hành.

Các thành viên Hội đồng quản trị theo chức trách, nhiệm vụ tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.



Trần Đức Lễ



Tp.HCM, ngày 10 tháng 9 năm 2018

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM

Quy chế này được Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đệ Tam thông qua ngày 10 tháng 9 năm 2018 theo Nghị quyết số 01/9/2018/NQ-HĐQT

CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy chế công bố thông tin của Công ty Cổ phần Đệ Tam (sau đây viết tắt là “Quy chế”) quy định việc tổ chức và thực hiện công bố thông tin tại Công ty Cổ phần Đệ Tam (sau đây viết tắt là “Công ty”).
2. Quy chế này được áp dụng với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, ban kiểm soát, cán bộ quản lý, các phòng/ ban chuyên môn, chi nhánh, công ty con của Công ty và các cá nhân, tổ chức có liên quan.

Điều 2. Mục đích của việc công bố thông tin

Việc công bố thông tin theo quy định của Quy chế này nhằm công khai các hoạt động của Công ty, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông và những người có liên quan của Công ty; giúp các nhà đầu tư, đối tác nắm được thực trạng hoạt động của Công ty để có cơ sở đánh giá, xem xét, thiết lập các quan hệ kinh tế, giao dịch với Công ty; đồng thời chấp hành nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 3: Giải thích từ ngữ

1. Trong Quy chế này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a) “**Công ty**” có nghĩa là Công ty Cổ phần Đệ Tam;
 - b) “**Quy chế**” có nghĩa là Quy chế công bố thông tin của Công ty và các sửa đổi, bổ sung (nếu có) tại từng thời điểm;
 - c) “**Điều lệ**” có nghĩa là Điều lệ của Công ty Cổ phần Đệ Tam và các sửa đổi, bổ sung (nếu có) tại từng thời điểm;
 - d) “**Quy chế DTA**” có nghĩa là các quy chế do Công ty Cổ phần Đệ Tam ban hành, bao gồm nhưng không giới hạn như Quy chế nội bộ quản trị Công ty, Quy chế công bố thông tin...
 - e) “**Cổ đông lớn**” là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% trở lên tổng số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty;

- f) **“Người nội bộ”** là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Người đại diện theo pháp luật, cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại điều lệ Công ty, người được ủy quyền công bố thông tin của Công ty;
 - g) **“Đơn vị phụ thuộc”** có nghĩa là các đơn vị hạch toán phụ thuộc nằm trong cơ cấu của Công ty;
 - h) **“Người thực hiện công bố thông tin”** là người thực hiện công bố thông tin của Công ty tại Điều 6 của Quy chế này hoặc người được ủy quyền công bố thông tin quy định tại Điều 7 của Quy chế này;
 - i) **“Ngày công bố thông tin”** là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại Quy chế này.
 - j) **“Người có liên quan”** là cá nhân hoặc tổ chức Thuộc các trường hợp được quy định tại Khoản 17, Điều 4 của Luật Doanh nghiệp năm 2014.
 - k) **“UBCKNN”** có nghĩa là Ủy ban chứng khoán nhà nước;
 - l) **“SGDCK”** có nghĩa là Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh hoặc sở giao dịch chứng khoán khác quản lý hoạt động chứng khoán của Công ty;
 - m) **“TTLKCK”** có nghĩa là Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam;
2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định và/hoặc văn bản bất kỳ sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế của quy định và/hoặc văn bản đó.
 3. Các từ được viết hoa nhưng chưa được định nghĩa trong Quy chế này, nếu không có mâu thuẫn với ngữ cảnh hoặc chủ thể trong Quy chế này, sẽ có nghĩa tương đương như được quy định trong Điều lệ DTA và/hoặc các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 4: Phương tiện công bố thông tin

Việc công bố thông tin được thực hiện qua các phương tiện công bố thông tin sau:

- a) Trang thông tin điện tử (website) của Công ty Cổ phần Đệ Tam;
- b) Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- c) Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán;
- d) Trang thông tin điện tử của Trung tâm lưu ký chứng khoán;
- đ) Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật (báo in, báo điện tử...).

Điều 5. Hình thức công bố thông tin

1. Các tài liệu, báo cáo gửi cho UBCKNN, SGDCK được thể hiện dưới hình thức văn bản và hình thức dữ liệu điện tử có sử dụng chữ ký số theo hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK.
2. Trường hợp UBCKNN, SGDCK triển khai hệ thống tiếp nhận báo cáo và công bố thông tin thông qua cổng trực tuyến, hình thức công bố thông tin sẽ được thực hiện theo hướng dẫn có liên quan của UBCKNN, SGDCK.

3. Trang thông tin điện tử của Công ty phải có chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông (nhà đầu tư), trong đó phải công bố Điều lệ DTA, Quy chế quản trị nội bộ, Bản cáo bạch (nếu có) và các thông tin phải công bố định kỳ, bất thường và theo yêu cầu quy định tại Quy chế này và theo quy định của pháp luật.

Địa chỉ trang thông tin điện tử của Công ty và mọi thay đổi về địa chỉ này (nếu có) được công khai và được thông báo với UBCKNN, SGDCK trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc ngày thay đổi về địa chỉ trang thông tin điện tử này.

Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.

CHƯƠNG II. NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 6. Người thực hiện công bố thông tin

1. Người thực hiện công bố thông tin là người đại diện theo pháp luật của Công ty, trực tiếp thực hiện công bố thông tin theo trình tự, thủ tục phù hợp với Quy chế này và quy định của pháp luật.
2. Trường hợp người đại diện theo pháp luật của Công ty không trực tiếp công bố thông tin thì có thể ủy quyền cho người khác thực hiện.
3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời và đầy đủ về thông tin do mình hoặc người được ủy quyền công bố thông tin (trong trường hợp ủy quyền) công bố.
4. Tổ chức phải đăng ký, đăng ký lại người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin theo Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 cùng với Bản cung cấp thông tin của người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán tối thiểu 24 giờ trước khi việc ủy quyền có hiệu lực

Điều 7. Quyền hạn và trách nhiệm của người thực hiện công bố thông tin

1. Đại diện cho Công ty trong công tác công bố thông tin;
2. Yêu cầu các bộ phận liên quan cung cấp, báo cáo số liệu đầy đủ, đúng thời hạn;
3. Đề xuất, kiến nghị với Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc (trường hợp được ủy quyền) về những hoạt động liên quan đến công bố thông tin, việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này;
4. Theo dõi những công việc có liên quan hoặc ảnh hưởng đến việc công bố thông tin của Công ty;
5. Chịu trách nhiệm trước Công ty và pháp luật về các thông tin công bố.

Điều 8. Thay đổi người công bố thông tin

1. Người công bố thông tin được thay đổi trong các trường hợp sau:
 - a) Thôi đảm nhiệm chức vụ/ công việc được giao;
 - b) Mất khả năng thực hiện nhiệm vụ;
 - c) Có hành vi cố ý vi phạm các quy định về công bố thông tin;
 - d) Theo quyết định của người đại diện theo pháp luật Công ty (trường hợp người công bố thông tin là người được ủy quyền thực hiện công bố thông tin);
 - e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Trường hợp thay đổi người công bố thông tin, Công ty phải gửi văn bản thông báo thay đổi theo Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015, sơ yếu lý lịch và danh sách người có liên quan với người được thay đổi cho UBCKNN và SGD ít nhất 24 giờ trước khi ủy quyền có hiệu lực.

CHƯƠNG III. NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

MỤC 1 – NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY.

Điều 9. Công bố thông tin định kỳ

1. Báo cáo tài chính

- a) **Báo cáo tài chính năm:** Công ty phải công bố thông tin về Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán chậm nhất là mười (10) ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán độc lập ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá chín mươi (90) ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Trường hợp Công ty không thể hoàn thành việc công bố báo cáo tài chính năm trong thời hạn nêu trên do phải lập báo cáo tài chính năm hợp nhất; hoặc do các công ty con, công ty liên kết của Công ty cũng phải lập báo cáo tài chính năm có kiểm toán, báo cáo tài chính năm hợp nhất hoặc báo cáo tài chính năm tổng hợp thì UBCKNN xem xét gia hạn thời gian công bố báo cáo tài chính năm khi có yêu cầu bằng văn bản của Công ty, nhưng tối đa không quá 100 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật liên quan.

- Nội dung công bố thông tin về Báo cáo tài chính năm bao gồm Báo cáo tài chính năm của riêng Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính tương ứng.

Trường hợp Công ty vừa là công ty mẹ, vừa là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân thì phải công bố thông tin báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính tổng hợp.

- Thành phần của Báo cáo tài chính năm bao gồm: đầy đủ các báo cáo, phụ lục, Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán.
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính phải trình bày đầy đủ các nội dung theo quy định của pháp luật về kế toán. Trường hợp trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính có chỉ dẫn đến Phụ lục, Phụ lục phải được công bố cùng Bản thuyết minh Báo cáo tài chính. Thuyết minh Báo cáo tài

chính phải trình bày cụ thể các nội dung về giao dịch với các bên liên quan theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Trường hợp Báo cáo tài chính năm lập theo đơn vị tiền tệ trong kế toán là ngoại tệ thì Công ty phải công bố đồng thời Báo cáo tài chính năm bằng đồng ngoại tệ và Báo cáo tài chính năm quy đổi ra đồng Việt Nam. Báo cáo tài chính năm quy đổi ra đồng Việt Nam phải có ý kiến xác nhận của tổ chức kiểm toán đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm bằng đồng ngoại tệ được quy đổi về tỷ giá quy đổi và tính chính xác của việc quy đổi;

- Công ty phải công bố đầy đủ nội dung thông tin về Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trên trang thông tin điện tử của Công ty và trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK toàn bộ báo cáo tài chính năm, Báo cáo kiểm toán để nhà đầu tư tham khảo;
- Báo cáo tài chính năm và báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính năm phải được lưu trữ bằng văn bản và dữ liệu điện tử ít nhất (05) năm tiếp theo tại trụ sở chính của Công ty để nhà đầu tư tham khảo;
- Trường hợp báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán có các ý kiến ngoại trừ/lưu ý thì Công ty phải công bố thông tin về giải trình đối với các ý kiến ngoại trừ/lưu ý đó.

b) Báo cáo tài chính bán niên: Công ty phải lập và công bố thông tin về Báo cáo tài chính bán niên (06 tháng đầu năm tài chính) đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận theo Chuẩn mực kiểm toán về công tác soát xét Báo cáo tài chính trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày tổ chức kiểm toán được chấp thuận ký báo cáo soát xét nhưng không vượt quá bốn lăm (45) ngày, kể từ ngày kết thúc sáu (06) tháng đầu năm tài chính.

Trường hợp Công ty không thể hoàn thành việc công bố báo cáo tài chính bán niên trong thời hạn nêu trên do phải lập báo cáo tài chính bán niên hợp nhất; hoặc do các công ty con, công ty liên kết của Công ty cũng phải lập báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét, báo cáo tài chính bán niên hợp nhất hoặc báo cáo tài chính bán niên tổng hợp thì UBCKNN xem xét gia hạn thời gian công bố báo cáo tài chính bán niên khi có yêu cầu bằng văn bản của Công ty, nhưng tối đa không quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật liên quan.

- Nội dung công bố báo cáo tài chính bán niên bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính hợp nhất (nếu có) trong kỳ báo cáo tương ứng.
- Báo cáo tài chính bán niên kèm theo toàn bộ Báo cáo công tác soát xét Báo cáo tài chính bán niên phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK và phải được lưu trữ bằng văn bản và dữ liệu điện tử ít nhất năm (05) năm tiếp theo tại trụ sở chính của Công ty để nhà đầu tư tham khảo;
- Tổ chức kiểm toán thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên phải là tổ chức kiểm toán được chấp thuận đã được lựa chọn để kiểm toán Báo cáo tài chính năm của Công ty;
- Trường hợp báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét có các ý kiến ngoại trừ/lưu ý thì Công ty phải công bố thông tin về giải trình đối với các ý kiến ngoại trừ/lưu ý đó.

c) **Báo cáo tài chính quý (Quý I, Quý II, Quý III, Quý IV):** Công ty phải công bố thông tin về Báo cáo tài chính quý của công ty trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày kết thúc quý.

Trường hợp Công ty không thể hoàn thành việc công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn nêu trên do phải lập báo cáo tài chính quý hợp nhất hoặc báo cáo tài chính quý tổng hợp; hoặc do các công ty con, công ty liên kết của Công ty cũng phải lập báo cáo tài chính quý hợp nhất, báo cáo tài chính quý tổng hợp thì UBCKNN xem xét gia hạn thời gian công bố báo cáo tài chính quý khi có yêu cầu bằng văn bản của Công ty, nhưng tối đa không quá 30 ngày, kể từ ngày kết thúc quý bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật liên quan.

- Thành phần của Báo cáo tài chính quý của Công ty bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán.
- Công ty phải công bố đầy đủ Báo cáo tài chính quý trên trang thông tin điện tử của Công ty và trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK và phải được lưu trữ bằng văn bản và dữ liệu điện tử ít nhất năm (05) năm tiếp theo tại trụ sở chính của Công ty để nhà đầu tư tham khảo theo quy định của pháp luật.

d) Khi công bố thông tin các Báo cáo tài chính năm, bán niên, quý, Công ty phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;
 - Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển lãi ở kỳ trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;
 - Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh lũy kế từ đầu năm tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo tài chính quý 2 đã được công bố so với báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét; hoặc báo cáo tài chính quý 4 đã được công bố so với báo cáo tài chính năm được kiểm toán có sự chênh lệch từ 5% (năm phần trăm) trở lên; hoặc chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại;
 - Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau khi kiểm toán hoặc soát xét từ 5% (năm phần trăm) trở lên.
- e) Trường hợp Công ty có công ty con, công ty liên kết hoặc có các đơn vị kế toán trực thuộc thì phải giải trình nguyên nhân phát sinh các sự kiện quy định tại điểm d, khoản 1 của Điều này trên cơ sở báo cáo tài chính của bản thân công ty đó và báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Báo cáo thường niên:

a) Công ty phải lập báo cáo thường niên theo Phụ lục 04 ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 và công bố thông tin về Báo cáo thường niên chậm nhất

là hai mươi (20) ngày sau khi công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 120 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

- b) Việc công bố thông tin phải được thực hiện trên trang thông tin điện tử của công ty, phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCCK và phải được lưu trữ bằng văn bản và dữ liệu điện tử ít nhất năm (05) năm tiếp theo tại trụ sở chính của Công ty để nhà đầu tư tham khảo theo quy định của pháp luật.
- c) Thông tin tài chính trong Báo cáo thường niên phải phù hợp với Báo cáo tài chính năm được kiểm toán.

3. Báo cáo tình hình quản trị của Công ty

- a) Định kỳ sáu (06) tháng và năm, Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị công ty theo Phụ lục 05 ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015, đồng thời báo cáo UBCKNN, SGDCCK. Thời hạn báo cáo và công bố thông tin Báo cáo tình hình quản trị công ty sáu (06) tháng và năm chậm nhất là ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo;
- b) Công ty thực hiện công bố thông tin theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này trên trang thông tin điện tử của Công ty và trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCCK.

4. Công bố thông tin về việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

- a) Công ty phải công bố thông tin định kỳ về Biên bản họp hoặc Biên bản kiểm phiếu, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.
- b) Công ty phải công bố toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, bao gồm: thông báo mời họp, mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định, danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Ban kiểm soát, thành viên Hội đồng quản trị và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp trên trang thông tin điện tử đồng thời với việc gửi thông báo về việc mời họp và hướng dẫn truy cập trang thông tin điện tử về việc họp và tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông cho các cổ đông trước khi khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông chậm nhất là mười (10) ngày;
- c) Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải và cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho tới khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông;
- d) Trường hợp không tổ chức thành công cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất, công ty phải công bố về chương trình và thời điểm dự kiến tổ chức các cuộc họp kế tiếp, tiếp tục duy trì việc đăng tải và cho phép cổ đông tải tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản này cho tới khi tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông. Thời điểm tổ chức các cuộc họp kế tiếp thực hiện theo quy định của Điều lệ DTA và theo quy định pháp luật về doanh nghiệp.

5. Công bố thông tin về việc chào bán chứng khoán và tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

- a) Công ty thực hiện chào bán chứng khoán phải tuân thủ quy định về công bố thông tin theo quy định pháp luật về chào bán chứng khoán.
- b) Trường hợp Công ty chào bán chứng khoán ra công chúng để huy động vốn cho dự án đầu tư, định kỳ sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, Công ty phải báo cáo UBCKNN và phải công bố thông tin trên các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của Công ty và trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK về tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán. Trường hợp thay đổi nội dung tại phương án sử dụng vốn, mục đích sử dụng vốn, trong vòng 10 ngày kể từ khi ra quyết định thay đổi các nội dung này, Công ty phải báo cáo UBCKNN và công bố thông tin nội dung thay đổi trên trang thông tin điện tử của Công ty. Mọi thay đổi phải được báo cáo lại tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.
- c) Công ty thực hiện báo cáo và công bố thông tin trên cho đến khi hoàn thành dự án hoặc cho đến khi đã giải ngân hết vốn huy động được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng.
- d) Công ty phải công bố báo cáo sử dụng vốn được kiểm toán xác nhận tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong báo cáo tài chính năm được kiểm toán xác nhận. quy định này không áp dụng đối với trường hợp Công ty chào bán cổ phiếu để hoán đổi các khoản nợ hoặc hoán đổi cổ phần, phần vốn góp.

6. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

Công ty phải công bố thông tin về giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài của công ty và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên trang thông tin điện tử của công ty, của Sở giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

7. Công bố thông tin về danh sách cổ đông lớn

Công ty gửi báo cáo danh sách cổ đông lớn tại thời điểm 6 tháng đầu năm và 6 tháng cuối năm dương lịch. Báo cáo 6 tháng đầu năm căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt tại thời điểm gần nhất trước ngày 30/06, gửi tới SGDCK chậm nhất là ngày 30/07; Báo cáo 6 tháng cuối năm căn cứ trên danh sách cổ đông chốt tại thời điểm gần nhất trước ngày 31/12, gửi tới SGDCK chậm nhất là ngày 30/01 năm tiếp theo.

Điều 10. Công bố thông tin bất thường

1. Công ty phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có) kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:
 - a) Tài khoản của Công ty tại ngân hàng bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa, ngoại trừ trường hợp phong tỏa theo yêu cầu của công ty;
 - b) Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; bổ sung hoặc rút bớt một hoặc một số ngành nghề đầu tư, kinh doanh; bị đình chỉ hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng

ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động; thay đổi thông tin trong Bản cáo bạch sau khi đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán;

- c) Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;
- d) Quyết định mua hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phiếu của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phiếu hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán chứng khoán theo quy định pháp luật về doanh nghiệp;
- e) Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;
- f) Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp); giải thể doanh nghiệp; thay đổi tên công ty, con dấu công ty; thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch; sửa đổi, bổ sung Điều lệ DTA; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- g) Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); doanh nghiệp kiểm toán từ chối kiểm toán báo cáo tài chính của công ty; kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính (nếu có); ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần của kiểm toán viên đối với báo cáo tài chính;
- h) Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết; đóng, mở chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện;
- i) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ hoặc người có liên quan;
- j) Quyết định phát hành trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi;
- k) Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau:

Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phiếu, tính từ thời điểm công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả phát hành theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;

Trường hợp công ty giao dịch cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định pháp luật về giao dịch cổ phiếu quỹ;

Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn của người lao động trong công ty hoặc mua lại cổ phiếu lẻ của công ty thông qua công ty chứng khoán; công ty chứng khoán mua cổ phiếu của chính mình theo yêu cầu của khách hàng hoặc để sửa lỗi giao dịch, công ty công bố thông tin trong vòng 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin.

- l) Khi nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động của công ty được sửa đổi, bổ sung;
- m) Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ. Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày công bố thông tin về việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ, công ty gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi công ty niêm yết, đăng ký giao dịch Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới (nếu có) theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT – BTC ngày 06/10/2015 của Bộ tài chính;

Trường hợp công ty thay đổi người có liên quan của người nội bộ, Công ty thực hiện báo cáo SGDCK trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày thay đổi theo biểu mẫu số CBTT/SGDHCM-05 và CBTT/SGDHCM-06 kèm theo Quy chế công bố thông tin tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19 tháng 08 năm 2016;

- n) Khi nhận được quyết định khởi tố, tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty;
Khi nhận được bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty; kết luận của cơ quan thuế về việc công ty vi phạm pháp luật về thuế; Quyết định vay hoặc phát hành trái phiếu dẫn đến tổng giá trị các khoản vay của công ty có giá trị từ 30% vốn chủ sở hữu trở lên tính tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét; Trường hợp tổng giá trị các khoản vay của công ty đạt từ 30% vốn chủ sở hữu trở lên tính tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét, công ty công bố thông tin về các quyết định vay thêm hoặc phát hành thêm trái phiếu có giá trị từ 10% vốn chủ sở hữu trở lên theo báo cáo tài chính năm gần nhất đã kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét;
- o) Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;
- p) Khi xảy ra các sự kiện khác theo quyết định của công ty có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty.
- q) Vốn góp của chủ sở hữu bị giảm từ 10% trở lên hoặc tổng tài sản bị giảm từ 10% trở lên tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất đã được soát xét;

- r) Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ; quyết định vốn góp đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét; quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn); quyết định mua, bán tài sản có giá trị từ 15% trở lên trên tổng tài sản của Công ty tính tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét.
- s) Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.
2. Công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:
- a) Việc công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông bất thường thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 9 của Quy chế này;
- b) Trường hợp lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản, chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.
3. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu.
- Công ty báo cáo và nộp đầy đủ các tài liệu là căn cứ pháp lý liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu cho Trung tâm lưu ký chứng khoán, Sở giao dịch chứng khoán, báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, đồng thời công bố thông tin chậm nhất 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.
4. Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt khác như sau:
- a) Sau khi thay đổi kỳ kế toán, công ty công bố báo cáo tài chính khi thay đổi kỳ kế toán đã được kiểm toán theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán;
- b) Sau khi hoàn tất việc chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp, công ty công bố báo cáo tài chính sau khi chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán;
- c) Sau khi chia, tách, sáp nhập, công ty là doanh nghiệp bị chia, bị tách hoặc bị sáp nhập công bố Báo cáo tài chính khi chia tách, sáp nhập doanh nghiệp đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật kế toán trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán.

Điều 11. Công bố thông tin theo yêu cầu

1. Công ty phải công bố thông tin trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi công ty niêm yết, đăng ký giao dịch trong các sự kiện giao dịch sau đây:
 - a) Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;
 - b) Có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.
2. Công ty công bố thông tin theo yêu cầu trên trang thông tin điện tử của Công ty, phương tiện thông tin địa chúng và phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK (Nội dung công bố thông tin phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

Điều 12. Công bố thông tin liên quan đến việc phát hành trái phiếu

1. Công ty phát hành trái phiếu ra công chúng phải tuân thủ quy định về công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chào bán trái phiếu ra công chúng.
2. Công ty thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin kể từ khi kết thúc đợt chào bán trái phiếu ra công chúng cho đến khi hoàn tất thanh toán trái phiếu, cụ thể:
 - a) Công bố thông tin định kỳ về báo cáo tài chính năm, báo cáo thường niên theo quy định của Quy chế này.
 Trường hợp Công ty chào bán trái phiếu ra công chúng để huy động vốn cho dự án đầu tư cụ thể đã được xác định, định kỳ sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán cho đến khi hoàn thành dự án hoặc khi đã giải ngân hết số tiền đã được huy động, Công ty phải báo cáo cho UBCKNN, SGDCK và công bố thông tin về tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo (định kỳ 06 tháng). Công ty phải công bố báo cáo sử dụng vốn được kiểm toán xác nhận tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong báo cáo tài chính năm đã được xác nhận.
 - b) Công bố thông tin bất thường theo quy định tại điểm a, b, f, h và r khoản 1 điều 10 quy chế này.
 Trường hợp có sự thay đổi mục đích sử dụng vốn, Công ty phải công bố thông tin về lý do và Nghị quyết/ Quyết định của Hội đồng quản trị/ Đại hội đồng cổ đông về sự thay đổi đó trong vòng 24 giờ, kể từ khi có quyết định về việc thay đổi mục đích sử dụng vốn.
 - c) Trường hợp phát hành trái phiếu chuyển đổi không bắt buộc, công ty phải gửi thư thông báo tới từng trái chủ và thực hiện công bố thông tin về thời gian, tỷ lệ, giá, địa điểm đăng ký chuyển đổi chậm nhất 01 tháng trước ngày chuyển đổi trái phiếu;
 - d) Công bố thông tin theo yêu cầu theo quy định của quy chế này

MỤC 2 – NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC.

Điều 13. Công bố thông tin về giao dịch cổ đông lớn

1. Tổ chức, cá nhân, nhóm người có liên quan sở hữu từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty hoặc khi không còn là cổ đông lớn của Công ty phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cổ phiếu cho Công ty, UBCKNN, SGDCK theo phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày trở thành/ không còn là cổ đông lớn.
2. Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có biểu quyền biểu quyết của Công ty có thay đổi về số lượng cổ phiếu vượt qua các ngưỡng một phần trăm (1%) số lượng cổ phiếu (kể cả trường hợp cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm...) phải thực hiện công bố thông tin và báo cáo cho UBCKNN, SGDCK và cho công ty trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày có sự thay đổi trên theo phụ lục số 07 ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015.
3. Thời điểm bắt đầu, kết thúc việc nắm giữ từ năm phần trăm (5%) số lượng cổ phiếu hoặc thời điểm thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu vượt quá các ngưỡng một phần trăm (1%) nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được tính kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán, ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán được tính như sau:
 - a) Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán;
 - b) Là ngày kết thúc việc chuyển quyền sở hữu chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán.
 - c) Là ngày hoàn thành đợt chào bán trong trường hợp công ty thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm
4. Quy định tại khoản 1, 2 Điều này không áp dụng trong trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết phát sinh do công ty giao dịch cổ phiếu quỹ hoặc phát hành thêm cổ phiếu.
5. Công ty thực hiện công bố trên trang thông tin điện tử của công ty trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, chứng chỉ quỹ của các đối tượng được quy định tại Điều này.

Điều 14. Công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ.

1. Trước ngày thực hiện giao dịch tối thiểu là 03 ngày làm việc, người nội bộ của công ty, và người có liên quan của các đối tượng này phải công bố thông tin và báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, công ty về việc dự kiến giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của công ty, kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, trái phiếu chuyển đổi, quyền



mua cổ phiếu, quyền mua chứng chỉ quỹ phát hành thêm, quyền mua trái phiếu chuyển đổi...) theo Phụ lục 10 hoặc Phụ lục 11 ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015. Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch và chỉ được bắt đầu tiến hành phiên giao dịch đầu tiên sau 24 giờ kể từ khi có công bố thông tin từ Sở giao dịch chứng khoán.

Người nội bộ của công ty và người có liên quan của các đối tượng này không được đồng thời đăng ký mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của công ty trong cùng một đợt đăng ký và phải thực hiện giao dịch theo đúng thời gian và khối lượng đã đăng ký.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ của công ty và người có liên quan của người nội bộ phải báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công ty về kết quả thực hiện giao dịch cổ phiếu/ quyền mua cổ phiếu đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo Phụ lục số 12 hoặc Phụ lục số 13 ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015.

Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ chỉ được đăng ký và thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó.

- Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ của công ty hoặc người có liên quan của các đối tượng này, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại khoản 1, 2 Điều này.
- Trường hợp người nội bộ của công ty hoặc người có liên quan của các đối tượng này đồng thời là cổ đông lớn thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.
- Trường hợp công ty chứng khoán là người có liên quan của người nội bộ của công ty, khi thực hiện sửa lỗi giao dịch cổ phiếu niêm yết, công ty chứng khoán phải báo cáo UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán, công ty trong vòng 24 giờ, kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch sửa lỗi.
- Trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi hoặc giao dịch chứng chỉ quỹ đóng, quyền mua chứng chỉ quỹ đóng của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ theo quy định tại Điều này, công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của công ty.

Điều 15. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai

Tổ chức, cá nhân chào mua công khai và công ty bị chào mua phải thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Luật chứng khoán và văn bản hướng dẫn.

Điều 16. Công bố thông tin về giao dịch cổ phiếu quỹ

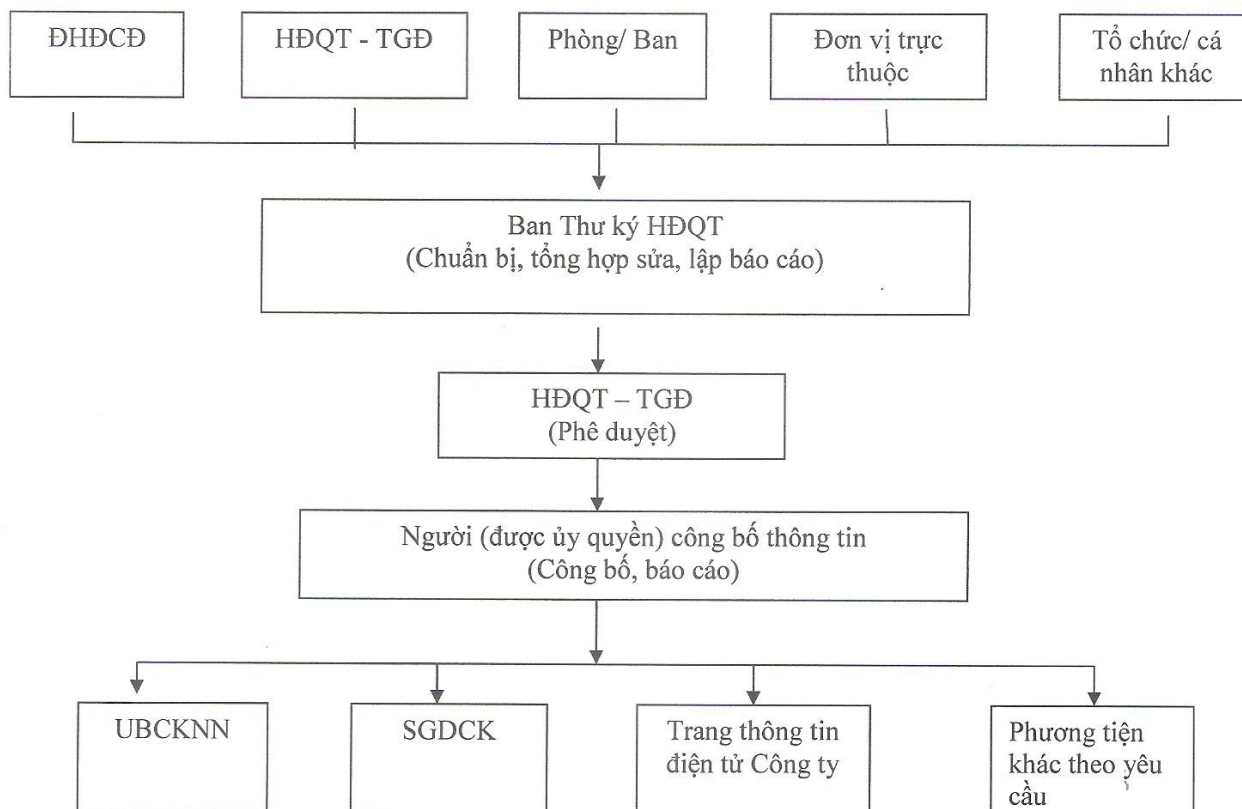
Trường hợp giao dịch cổ phiếu quỹ, công ty phải thực hiện công bố thông tin theo quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.

Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính công ty, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

CHƯƠNG IV: QUY TRÌNH XỬ LÝ, CÔNG BỐ VÀ LƯU TRỮ THÔNG TIN

Điều 17. Sơ đồ quy trình công bố thông tin của Công ty.

Quy trình công bố thông tin của Công ty được thực hiện theo sơ đồ sau:



Điều 18. Chuẩn bị công bố thông tin

1. Bộ phận đầu mối chuẩn bị công bố thông tin của Công ty là ban thư ký Hội đồng quản trị Công ty.
2. Vào thời điểm kết thúc quý, năm tài chính hoặc khi phát sinh các sự kiện phải công bố theo quy định tại Chương III Quy chế này, bộ phận đầu mối chuẩn bị công bố thông tin thông báo tới các phòng/ ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc và các tổ chức/ cá nhân có liên quan về nội dung thông tin sẽ công bố và thời hạn công bố.

3. Các phòng/ ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc và tổ chức/ cá nhân có liên quan phải chuyển các thông tin được yêu cầu đến Bộ phận đầu mối chuẩn bị công bố thông tin của Công ty chậm nhất là bảy (07) ngày trước thời hạn mà Công ty phải công bố (Các trường hợp công bố thông tin bất thường hoặc theo yêu cầu thì thời hạn sẽ được thông báo cụ thể).
4. Thông tin của các tổ chức/ cá nhân có liên quan phải được lập thành văn bản theo đúng mẫu (nếu có) và có ký xác nhận nội dung của thông tin. Tổ chức/ cá nhân có liên quan phải chịu trách nhiệm về thông tin chuyển cho Bộ phận đầu mối chuẩn bị công bố thông tin.

Điều 19. Xử lý thông tin

1. Khi nhận được thông tin do các tổ chức/ cá nhân có liên quan cung cấp, Bộ phận đầu mối chuẩn bị công bố thông tin phải kiểm tra nội dung thông tin, đối chiếu với các quy định về công bố thông tin và soạn theo văn bản công bố thông tin theo mẫu (nếu có) trình Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc phê duyệt theo thẩm quyền.
2. Việc xử lý thông tin phải thực hiện trong vòng ba (03) ngày kể từ ngày nhận được thông tin (Các trường hợp công bố thông tin bất thường hoặc theo yêu cầu thì thời hạn sẽ được thông báo cụ thể).

Điều 20. Phê duyệt thông tin

1. Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có thẩm quyền phê duyệt toàn bộ thông tin trước khi công bố.
2. Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc phê duyệt thông tin trong vòng ba (03) ngày trước ngày Công ty phải công bố thông tin theo quy định (Các trường hợp công bố thông tin bất thường hoặc theo yêu cầu thì thời hạn sẽ được thông báo cụ thể).

Điều 21. Công bố thông tin

1. Người công bố thông tin có trách nhiệm công bố thông tin đã được phê duyệt bằng cách gửi văn bản công bố thông tin đến UBCKNN và/ hoặc SGDCK theo quy định.
2. Đồng thời với việc công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này, người công bố thông tin phải đăng tải thông tin trên cổng thông tin điện tử của Công ty và/ hoặc các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật; Quy chế này và phải chịu trách nhiệm về nội dung đăng tải.

Điều 22. Lập hồ sơ lưu trữ thông tin

1. Các tổ chức/ cá nhân có liên quan khi cung cấp thông tin phải lập hồ sơ lưu tại đơn vị mình.
2. Bộ phận đầu mối chuẩn bị công bố thông tin, Người công bố thông tin phải lập hồ sơ cho từng thông tin được công bố kèm theo bản sao văn bản công bố thông tin đã công bố để lưu giữ tại Công ty theo quy định của pháp luật và các Quy chế của Công ty.
 - a. Các thông tin công bố định kỳ phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là 05 năm.

- b. Các thông tin công bố bất thường hoặc theo yêu cầu phải lưu giữ trên trang thông tin điện tử của Công ty trong tối thiểu 05 năm.

Điều 23. Tạm hoãn và bảo lưu chưa công bố thông tin

1. Trường hợp công bố thông tin không thể thực hiện đúng thời hạn vì những lý do bất khả kháng và những trường hợp khác được UBCKNN chấp thuận cho tạm hoãn công bố thông tin, Người thực hiện công bố thông tin phải báo cáo UBCKNN, SGDCK ngay khi xảy ra trường hợp bất khả kháng hoặc trước thời hạn công bố thông tin đề nghị UBCKNN chấp thuận cho tạm hoãn, bảo lưu việc công bố và phải thực hiện công bố thông tin ngay sau khi sự kiện bất khả kháng đã được khắc phục.
2. Việc tạm hoãn và bảo lưu phải công bố thông tin được UBCKNN chấp thuận bằng văn bản và phải công bố trên cổng thông tin điện tử của Công ty, UBCKNN, SGDCK, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin.

Điều 24. Cải chính thông tin.

1. Công ty có trách nhiệm cải chính thông tin do Người công bố thông tin đã công bố hoặc yêu cầu bất kỳ tổ chức/ cá nhân nào phát ngôn, đăng tải, sử dụng thông tin không đúng hoặc sai lệch về Công ty cải chính thông tin.
2. Việc cải chính thông tin của Công ty được thực hiện theo quy trình tại Điều 18 của Quy chế này.
3. Người công bố thông tin của Công ty là người có quyền yêu cầu các đối tượng khác cải chính thông tin về Công ty.

CHƯƠNG V: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 25. Xử lý vi phạm về công bố thông tin

Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định của pháp luật và của Công ty về công bố thông tin thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.
2. Các đối tượng thuộc phạm vi điều chỉnh và áp dụng Quy chế này có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

Điều 27. Sửa đổi, bổ sung

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Tổng giám đốc đề xuất Hội đồng quản trị Công ty xem xét, quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động công bố thông tin của Công ty chưa được cập nhật trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy

định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định đó của pháp luật đương nhiên được áp dụng và sẽ điều chỉnh hoạt động công bố thông tin của Công ty.

Nơi nhận:

- HĐQT – BKS
- Lưu VP

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



TRẦN ĐỨC LỢI